

Bản án số: **669/2026/DS-PT**

Ngày: 07-4-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Thảo

Bà Lê Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 07 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1609/2025/TLPT-DS ngày 23/12/2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 2509/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2026/QĐ-PT ngày 09/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 354/QĐ-TA ngày 28/01/2026 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1436/2026/QĐ-PT ngày 09/3/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quang K, sinh năm 1962, địa chỉ: số A P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kim Ron T, sinh năm 1976; địa chỉ: số B, đường N, phường T, TP . (có mặt tại phiên tòa ngày 03/4/2026, vắng mặt tại phiên tòa ngày 07/4/2026).

Bị đơn: Ông Trần Đức H, sinh năm 1954, địa chỉ: số B T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức H1, sinh năm 1955; địa chỉ: số B T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn ((trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH ()); địa chỉ: số A P, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kim Ron T, sinh năm 1976; địa chỉ: số B N, phường T, TP . (có mặt tại phiên tòa ngày 03/4/2026, vắng mặt tại phiên tòa ngày 07/4/2026).

2. Ngân hàng thương mại cổ phần (1; địa chỉ: số A - A N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Xuân Q và bà Nguyễn Thị O (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (1) số Vikki (trước đây là Ngân hàng Thương mại cổ phần (1); địa chỉ: số A P, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thúy N; sinh năm 1992; địa chỉ: số B L, phường H, TP . (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Bà Trần Thị Kim Y, sinh năm 1958; địa chỉ: số B T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức H1, sinh năm 1955; địa chỉ: số B T, phường P, TP . (có mặt).

5. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1958; địa chỉ: số A P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kim Ron T, sinh năm 1976; địa chỉ: số B N, phường T, TP . (có mặt tại phiên tòa ngày 03/4/2026, vắng mặt tại phiên tòa ngày 07/4/2026).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trần Quang K do ông Kim Ron T – người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/6/2010, ông Trần Quang K cho ông Trần Đức H vay số tiền 2.508.200.000 đồng để thanh toán tiền vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng (1).

Sau đó, do có sự quen biết và lấy lý do giải quyết công việc cá nhân cũng như đầu tư bất động sản, ông H đã nhiều lần vay tiền của ông K, cụ thể:

- Ngày 24/6/2010 vay số tiền 1.709.500.000 đồng.

- Ngày 29/6/2010 vay số tiền 500.000.000 đồng.

- Ngày 19/7/2010 vay số tiền 300.000.000 đồng.

- Ngày 08/10/2010 vay số tiền 199.700.000 đồng.

- Ngày 30/10/2010 vay số tiền 15.000 USD với tỷ giá 20.450 đồng tương đương số tiền 306.750.000 đồng.

- Ngày 14/3/2011 vay số tiền 450.000.000 đồng.

Ngày 30/4/2011 ông H ký xác nhận đã vay của ông K số tiền là 5.974.150.000 đồng. Sau đó, ngày 18/7/2011 ông H tiếp tục vay của ông K số tiền 300.000.000 đồng.

Việc vay tiền giữa hai bên như đã nêu trên có thỏa thuận lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ) vào từng thời điểm. Cuối tháng ông K và ông H phải cùng nhau ký bảng chi tiết về khoản nợ vay và lãi.

Ngày 30/7/2011, ông H ký xác nhận vay của ông K tổng số tiền 6.274.150.000 đồng.

Ngày 31/10/2014, ông K thông báo đòi nợ yêu cầu ông H thanh toán số tiền đã vay nhưng ông H vẫn không thực hiện cho đến nay.

Ông K yêu cầu Tòa án buộc ông H thanh toán số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là 19.514.064.356 đồng, trong đó: tiền gốc là 5.967.400.000 đồng, tiền lãi 13.153.949.356 đồng và số tiền 15.000 USD tương đương 392.715.000 đồng, thanh toán ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Trần Đức H do ông Trần Đức H1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày.

Trước đây, ông Ngô Thanh N1 – Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã thụ lý số 163/2014/TLST-DS ngày 28/5/2014 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Công ty TNHH (với bị đơn là ông Trần Đức H, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán Ngô Thanh N1 đã không chấp nhận các bản chi tiết tiền ông H vay, do các bản chi tiết tiền vay không có giá trị pháp lý. Tại bản tự khai ngày 24/6/2014 do ông Cao Tiến D là người đại diện hợp pháp cho phía nguyên đơn đã trình bày: sau khi ký xong hai Hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản ngày 30/6/2010 ông Trần Quang K có lập biên bản bàn giao số tiền vay từ Ngân Hàng TMCP Đ cho ông Trần Đức H số tiền là 4.717.700.000 đồng. Thẩm phán Ngô Thanh N1 đã nhiều lần yêu cầu ông Cao Tiến D và phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án biên bản bàn giao số tiền 4.717.700.000 đồng nhưng phía nguyên đơn không cung cấp được, ông Trần Đức H không thừa nhận việc lập biên bản bàn giao số tiền 4.717.700.000 đồng như ông Cao Tiến D trình bày.

Việc nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông K lập biên bản bàn giao số tiền 4.717.700.000 đồng cho ông H và các bản chi tiết tiền chú H vay không có giá trị pháp lý nên nguyên đơn là Công Ty TNHH (đã rút đơn khởi kiện và Thẩm phán Ngô Thanh N1 đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 316/2014/QĐST-DS ngày 20/8/2014. Đây là chứng cứ bằng chứng đã chứng minh việc Công ty TNHH (khởi kiện ông Trần Đức H vay tiền là hoàn toàn không có cơ sở nên coi như vụ án này đã được chấm dứt.

Tuy nhiên vào ngày 22/10/2015 ông Trần Quang K khởi kiện ông Trần Đức H với nội dung tương tự với đơn khởi kiện ngày 19/5/2014. Trong quá trình tiến hành tố tụng vụ án này thì ông Trần Quang K cũng chỉ dựa vào các bản chi

tiết tiền chú H vay và cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông K lập biên bản giao cho ông Trần Đức H số tiền là 4.717.700.000 đồng. Việc khởi kiện của ông K là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần xem xét thấu đáo để cho bác đơn khởi kiện của ông Trần Quang K vì việc khởi kiện lần thứ hai này của ông K không có tình tiết gì mới và không có căn cứ xác thực, đã từng bị Thẩm phán Ngô Thanh N1 bác đơn và phía ông K đã từng công nhận và rút đơn khởi kiện.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim Y do ông Trần Đức H1 – người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Trần Đức H là anh ruột của bà Trần Thị Kim Y, bà Y rất thương và tín nhiệm ông H. Khoảng tháng 8/20210, ông H có tâm sự với bà Y, do vợ chồng ông H và bà Phạm Thị Tuyết M có nhiều bất đồng quan điểm nên cả hai đã ly hôn, bà M giữ hết tiền bạc và nhà cửa nên cuộc sống của ông H trở nên khó khăn, ông H rất chán nản, ông H có năn nỉ bà Y cho ông H mượn giấy tờ nhà để làm ăn, nếu bà Y không cho mượn thì ông H sẽ đi xa và tự tử.

Bà Y đã giấu cả gia đình để lấy giấy tờ căn nhà số B T, phường T, quận T nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông H mượn để làm ăn.

Bà Y ký các giấy tờ trong lúc mẹ bà Y đang nằm cấp cứu ở Bệnh viện T2, đồng thời bà Y rất tín nhiệm ông H nên đã ký các giấy tờ mà ông H đưa mà không xem kỹ nội dung. Bà Y ký hợp đồng bảo lãnh vay tiền trong trạng thái bị ông H uy hiếp tinh thần nên đã không sáng suốt, tinh táo.

Bà Y không biết mối quan hệ làm ăn giữa ông K và ông H ra sao, bà Y cũng không biết và không được hứa hẹn gì về quyền lợi.

Chỉ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án dân sự số 163/2014/TLST-DS ngày 28/5/2014 với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa Công ty TNHH (với ông Trần Đức H do bà Y ký hợp đồng bảo lãnh cho Công ty TNHH (vay tiền của Ngân hàng Đ với số tiền 2.900.000.000 đồng, bảo lãnh thế chấp bằng căn nhà số B T, phường T, quận T.

Bà Y yêu cầu Công ty TNHH (giải chấp trả lại hồ sơ căn nhà số B T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH (do ông Kim Ron T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Trần Quang K là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH (. Việc ông K cho ông H vay số tiền 6.274.150.000 đồng là tiền của cá nhân ông K, không phải là nguồn tiền của Công ty TNHH (. Trước đây, phía ông K không am hiểu pháp luật nên khi xảy ra tranh chấp, ông K đã dùng tư cách Công ty TNHH (khởi kiện ông Trần Đức H, vụ án được Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý số 163/2014/TLST-DS ngày 28/5/2014, quá trình giải quyết tại Tòa án được Thẩm phán Ngô Thanh N1 giải thích nên ông K đã rút đơn kiện, Tòa án nhân dân quận

Tân Phú đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 316/2014/QĐST-DS ngày 20/8/2014.

Công ty TNHH (thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông H, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP (1 do ông Đỗ Xuân Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Trần Quang K và ông Trần Đức H không còn quan hệ tín dụng và cũng không còn thế chấp tại Ngân hàng, do đó Ngân hàng TMCP (1 không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TNHH MTV S do bà Lê Thị Thúy N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bản án phúc thẩm số 165/2025/KDTM-PT ngày 06/06/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm về “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng công chứng” giữa nguyên đơn là ông Trần Đức H và bị đơn là Ngân hàng TNHH MTV S đã hủy bản án dân sự sơ thẩm số 151/2024/DS-ST ngày 27/09/2024 và Quyết định sửa chữa bổ sung, bản án sơ thẩm số 118/2024/QĐ-SCBSBA ngày 04/10/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 12 giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Ngoài ra, Ngân hàng TNHH MTV S còn nộp đơn khởi kiện Công ty TNHH (tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 24/10/2022, được thụ lý số 05/2023/TB-TLVA ngày 07/03/2023, đang trong quá trình giải quyết. Theo đó, yêu cầu Công ty TNHH (trả nợ, nếu không thực hiện thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ gồm vốn gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng TNHH MTV S được quyền yêu cầu xử lý phát mãi các tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của người có quyền nghĩa vụ liên quan (trong đó có tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Trần Đức H theo Hợp đồng thế chấp số: H.0048- 10/HĐTC ngày 24/06/2010).

Ba tài sản của ông Trần Đức H đang đảm bảo nghĩa vụ nợ của Công ty TNHH (theo hợp đồng thế chấp số H.0048-10/HĐTC ngày 24/06/2010 để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số H.0064/NT ngày 23/06/2010 với tài sản thế chấp là:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN H02882/13 do Ủy ban nhân dân Quận A cấp ngày 28/05/2008 cho ông Trần Đức H

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00153/2BQSĐĐ/1886.QLĐTQ12 do Ủy ban nhân dân Quận A cấp ngày 04/06/2004 cho ông Trần Đức H

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02520 QSĐĐ/Q12/2002 do Ủy ban nhân dân Quận A cấp ngày 07/02/2002 cho Bà Tô Thị T1 đã cập nhật sang tên cho ông Trần Đức H.

Quan hệ tranh chấp vay mượn tiền cá nhân giữa ông Trần Quang K và ông Trần Đức H không liên quan đến Ngân hàng TNHH MTV S nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn V do ông Kim Ron T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông V là nhân viên của Công ty TNHH (, việc ông K cho ông H vay tiền thì ông V là người trực tiếp giao tiền cho ông H, do ông K thường xuyên đi công tác. Trên giấy vay tiền có ghi rõ cụm từ “Chi tiết tiền chú H vay” (ghi chú: lãi suất tính theo của Ngân hàng Đ từng thời điểm, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau), có ký xác nhận của hai bên. Ông V thống nhất với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông K.

Bản án dân sự sơ thẩm số 2509/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang K.

Buộc bị đơn ông Trần Đức H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Trần Quang K số tiền tính đến ngày 25/9/2025 là 19.428.099.356 đồng, trong đó nợ gốc 6.274.150.000 đồng, số tiền lãi là 13.153.949.356 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành khoản tiền nêu trên phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 08/10/2025, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt, triệu tập bị đơn tham gia trong quá trình giải quyết vụ án; các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp không có giá trị pháp lý; bị đơn không vay số tiền 15.000 đô la M1 và cũng không vay tiền của nguyên đơn; không có chứng cứ thể hiện bị đơn nhận tiền của nguyên đơn.

Nguyên đơn trình bày:

Tại phiên tòa ngày 03/7/2026, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Không rút yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chủ tọa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm với lý do: Trong hồ sơ vụ án không thể hiện có việc tổng đạt hợp lệ Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn; Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung nhưng lại giải quyết trong bản án sơ thẩm là vượt quá phạm vi khởi kiện; Bị đơn là người cao tuổi nhưng bản án sơ thẩm lại buộc phải chịu án phí là không đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của ông Trần Đức H trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt: Ngày 28/01/2026 Tòa án đã mở phiên tòa phúc thẩm nhưng do có đương sự trong vụ án vắng mặt nên phiên tòa đã được hoãn, thời gian mở phiên tòa sẽ được thông báo sau. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1436/2026/QĐ-PT ngày 09/3/2026 mở lại phiên tòa vào ngày 03/4/2026, ông Kim Ron T đã tham gia phiên tòa và được thông báo tại phiên tòa (thay giấy triệu tập) tiếp tục tham gia phiên tòa vào ngày 07/4/2026. Tại phiên tòa ngày 07/4/2026, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Kim Ron T có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phiên tòa ngày 07/4/2026 là phiên tòa tiếp tục lần thứ hai sau khi phiên tòa tạm ngừng ngày 03/4/2026. Như vậy, việc yêu cầu hoãn phiên tòa nêu trên và việc ông Kim Ron T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiếp tục phiên tòa. Căn cứ Điều 296, Điều 304 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Kim Ron T tại phiên tòa ngày 07/4/2026.

[2] Về kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về thủ tục tố tụng:

[2.1.1] Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 22/10/2015 (BL số 153) và Thông báo về việc thụ lý vụ án số 287/2015/TB-TLVA ngày 20/11/2015 (BL số 8), Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu của người khởi kiện: “*Yêu cầu ông Trần Đức H trả lại ông Trần Quang K số tiền 9.830.254.751 đồng*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 12/5/2025:

“Buộc ông Trần Đức H phải thanh toán tổng số tiền đến hết ngày 01/5/2025 là 25.102.415.769 đồng (gồm vốn, lãi và lãi chậm trả).

Trong trường hợp từ ngày 01/5/2025 ông Trần Đức H chưa trả hết thì yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Đức H phải trả tiếp lãi suất theo như chi tiết tiền vay.”

Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thực hiện thủ tục thụ lý phần khởi kiện bổ sung theo đơn khởi kiện bổ sung nhưng lại giải quyết, đưa vụ án ra xét xử và quyết định các yêu cầu bổ sung tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2509/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 là vi phạm thủ tục tố tụng.

[2.1.2] Tòa án cấp sơ thẩm lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được vào các ngày 27/6/2025 và ngày 01/8/2025 (BL số 445-457). Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày không nhận và biết có thông báo mở phiên họp; kiểm tra hồ sơ vụ án không thể hiện có việc tổng đạt Thông báo mở phiên họp cho bị đơn. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng lại tiến hành thủ tục mở phiên họp vắng mặt bị đơn là vi phạm thủ tục tố tụng.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn nộp là các bảng: “*Chi tiết tiền chú H vay*” và phiếu chi ghi ngày 14/3/2011 để buộc phải bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, lãi và lãi chậm trả.

[2.2.2] Xét thấy, toàn bộ các chứng cứ nêu trên đều có tiêu đề phía trên là “*Công ty TNHH (*”, người ký xác nhận của bên cho vay là ông Trần Quang K, và cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH (nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đối chất, thu thập tài liệu, chứng cứ tại vụ án đã được đình chỉ giải quyết theo Quyết định số 316/2014/QĐDS-ST ngày 20/8/2014 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú để làm rõ khoản vay tại các chứng cứ nêu trên là quan hệ, giao dịch giữa Công ty TNHH (với ông Trần Đức H hay giữa cá nhân ông Trần Quang K với ông Trần Đức H.

Trong khi đó, Ngân hàng TNHH MTV S cho rằng:

- Bản án phúc thẩm số 165/2025/KDTM-PT ngày 06/06/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 59/2025/TLPT-KDTM ngày 20/02/2025 về “*Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng công chứng*” (có liên quan đến việc vay nợ và bảo lãnh giữa nguyên đơn là ông Trần Đức H và bị đơn là Ngân hàng TNHH MTV S1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH () đã hủy bản án dân sự sơ thẩm số 151/2024/DS-ST ngày 27/09/2024; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

- Ngân hàng TNHH MTV S còn nộp đơn khởi kiện Công ty TNHH (tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Thông báo thụ lý

số 05/2023/TB-TLVA ngày 07/03/2023. Theo đó, yêu cầu Công ty TNHH (trả nợ, nếu không thực hiện thanh toán toàn bộ nghĩa vụ gồm vốn gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng TNHH MTV S được quyền yêu cầu xử lý phát mãi các tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của người có quyền nghĩa vụ liên quan (trong đó có tài sản liên quan đến ông Trần Đức H) theo Hợp đồng thế chấp số: H.0048- 10/HĐTC ngày 24/06/2010).

Các vụ án nêu trên đều liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng TNHH MTV S, Công ty TNHH ((nay là Công ty TNHH ()) và ông Trần Đức H. Trong trường hợp xác định khoản vay có liên quan đến Công ty TNHH (thì phải được xem xét giải quyết, tránh trường hợp quyền lợi của pháp nhân chuyển sang cá nhân để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của pháp nhân.

[3] Những nhận định nêu trên cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, để bảo đảm việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 2509/2025/DS-ST ngày 30/9/2025, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do hủy bản án dân sự sơ thẩm để xét xử lại nên số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xử lý khi Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025);

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 2509/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn là ông Trần Quang K và bị đơn là ông Trần Đức H và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Đức H không phải chịu án phí phúc thẩm, đã được miễn theo Thông báo số 750/TB-TA ngày 22/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- VKSND khu vực 9 - Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM;
- Phòng THADS khu vực 9 - Tp.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Tân